TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 23/2026/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 01 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lang Thị T; Sinh năm: 2001

Địa chỉ: Thôn Quang Hùng, xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa

Số CCCD: 038301013167

- Bị đơn: Anh Bùi Văn V; sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn Lệ Cẩm 1, xã Thành Vinh, tỉnh Thanh Hoá

Số CCCD: 038095009105

Căn cứ Điều 212 và Điều 213; khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 55; 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6; khoản 3 Điều 12; khoản 3 Điều 13; điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 6 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa: Chị Lang Thị T và anh Bùi Văn V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lang Thị T và anh Bùi Văn V.

- *Về con chung:* Chị Lang Thị T và anh Bùi Văn V thống nhất, thỏa thuân và theo nguyện của cháu Ngọc A: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Ngọc A, sinh ngày: 26/12/2018. Ly hôn, anh V là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc A đến khi cháu

Ngọc A thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2026 cho đến khi cháu Ngọc A đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Chị Lang Thị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản chị thực hiện quyền này và chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị Lang Thị T và anh Bùi Văn V thống nhất, thỏa thuận: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Lang Thị T và anh Bùi Văn V thống nhất, thỏa thuận: Chị Lang Thị T chịu toàn bộ tiền án phí HNGĐ sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai số 0000769, ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Bùi Văn V không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV7, tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Thành Vinh.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Sơn